

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 21-3-2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp HT, xã VT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: khu phố B, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp HT, xã VT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: khu phố B, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị O, anh M cùng vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi sống chung với nhau, chị và anh M cư trú tại ấp HT, xã VT, huyện Phú

Tân, tỉnh Cà Mau; đến năm 2013, vợ chồng chị chuyển đến sinh sống và làm việc tại khu phố B, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến nay. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do tính tình của vợ, chồng không phù hợp với nhau, thường xuyên gây gổ nhau, không thể hiểu và thông cảm cho nhau nên thường gây gổ nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề nên vợ chồng chị đã tự ly thân nhau từ năm 2022, tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 1999 và cháu Huỳnh Minh Ngh, sinh ngày 15/12/2015, hiện đang sống chung với vợ chồng chị. Cháu H và cháu Ngh rất khỏe mạnh, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh gì. Khi ly hôn, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngh, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Huỳnh Văn M trình bày:

Anh thống nhất với chị O về thời gian chung sống, thời gian ly thân và việc không đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh ban đầu sống chung rất hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn hạnh phúc. Từ khi ly thân anh và chị O đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị O.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 1999 và cháu Huỳnh Minh Ngh, sinh ngày 15/12/2015. Khi ly hôn, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; anh đồng ý giao cháu Ngh cho chị O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị O và anh Huỳnh Văn M.

Về con chung: cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 1999 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Huỳnh Minh Ngh, sinh ngày 15/12/2015 cho chị Nguyễn Thị O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị O không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị O, anh M không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị O, anh M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị O và anh Huỳnh Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị O và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân. Nay chị O yêu cầu ly hôn và anh M cũng đồng ý ly hôn chị O.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã VT, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đều xác nhận chị O chung sống với anh M nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, chị O và anh M đều xác định việc anh, chị từ khi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của chị O và anh M là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị O và anh M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị O và anh M có 02 con chung là cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 1999 và cháu Huỳnh Minh Ngh, sinh ngày 15/12/2015. Cháu H đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngh; trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Ngh cũng có nguyện vọng được tiếp tục theo sống cùng chị O và anh M cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Ngh cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là

phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị O không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị O, anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị O, anh M trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị O và anh Huỳnh Văn M.

2. Về con chung: cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao cháu Huỳnh Minh Ngh, sinh ngày 15/12/2015 cho chị Nguyễn Thị O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị O không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị O, anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị O và anh M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027589 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành

án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị O đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị O và anh M có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư